TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH NT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hơn;

- Ông Đỗ Văn Lom.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Hồ Thị Thúy A, sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp TT, xã T1T2, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Kim L, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp TT, xã T1T2, huyện CL, tỉnh BT. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà A trình bày: bà với ông L quen biết tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1T2, huyện CL vào ngày 07/07/2004. Thời gian chung sống hạnh phúc với nhau được 19 năm, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông bà không có tiến nói chung bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

hiện tại chúng tôi vẫn còn sống chung nhà nhưng cuộc sống mạnh ai nấy sống từ khi chưa dịch covid đến nay.

Vì vậy bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Hồ T, sinh ngày 02/9/1996, đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên bà A không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 22/04/2024, biên bản hòa giải ngày 20/02/2024 và tại phiên tòa hôm nay ông L trình bày: ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con và ông nhận thấy ông cũng có một phần lỗi nhưng không đến mức phải ly hôn nên xin hàn gắn.

Con chung: đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân không bị bệnh tật nên ông L cũng không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà A, ông L đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà A có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông L nên đây là vụ kiện: "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông L hiện đang cư trú tại ấp TT, xã T1T2, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn bà A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà A, ông L là trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân không có sự ép buộc. Ông bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian chung sống ông bà lại phát sinh mâu thuẫn, theo bà A thì cho rằng giữa vợ chồng không có tiến nói chung, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không còn hạnh phúc, ông L thì thừa nhận ông cũng có một phần lỗi dẫn đến việc bà A xin ly hôn, bản thân ông tự nhận thấy không đến mức phải ly hôn. Cho dù vậy, nhưng trong khoảng thời gian sống ly thân, ông L cũng không có động thái nào hòa giải, khắc phục phần lỗi của mình để bà A về hàng gắn và rút đơn mà vẫn để cho bà A cương quyết ly hôn, thậm chí hiện tại cuộc sống mạnh ai nấy sống, bà A đi đâu ông L cũng không biết, không quan tâm. Điều đó càng chứng tỏ, hôn nhân của ông bà đã có sự rạn nứt và không thể hàn gắn được. Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà A là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà A, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: bà A và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Hồ T, sinh ngày 02/9/1996, đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật nên bà A, ông L đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Tài sản chung: ông L, bà A đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Hồ Thị Thúy A được ly hôn với ông Nguyễn Kim L.

Ghi nhận việc bà Hồ Thị Thúy A và ông Nguyễn Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: bà A và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Hồ T, sinh ngày 02/9/1996, đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật nên bà A, ông L đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Hồ Thị Thúy A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà A nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001378, ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Kim L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hồ Thị Thúy A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã T1T2;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG